



Công ty Cổ phần Cảnh Xanh VIP

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Căng Xanh VIP
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
Đầu tư**

Số 3550787247

Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy chứng nhận Đầu tư số 02221000075 được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2013 và có giá trị trong 45 năm. Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh hai lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đầu tư số 3550787247 ngày 26 tháng 4 năm 2017.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0201579242

Ngày 8 tháng 1 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh hai lần và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 8 tháng 1 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Cáp Trọng Cường
Ông Trần Xuân Bạo
Ông Nguyễn Việt Trung
Ông Chang Cheng Yung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cáp Trọng Cường
Ông Đào Mạnh Đăng

Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Cấp Trọng Cường
Giám đốc

Hải Phòng, 16 -08- 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cánh Xanh VIP tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được soát xét.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-120-SX



Đạm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		186.109.261.987	159.329.393.601
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	42.768.919.001	34.193.745.729
Tiền	111		14.768.919.001	1.393.745.729
Các khoản tương đương tiền	112		28.000.000.000	32.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67.300.000.000	2.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	67.300.000.000	2.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.390.387.018	23.399.212.888
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	38.294.470.289	23.009.454.089
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.357.152.381	97.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		738.764.348	292.758.799
Hàng tồn kho	140		1.139.850.200	961.424.800
Hàng tồn kho	141		1.139.850.200	961.424.800
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.510.105.768	98.475.010.184
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	1.477.206.134	3.052.984.662
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.032.899.634	95.422.025.522
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.160.314.089.470	1.196.166.224.400
Tài sản cố định	220		810.840.459.550	853.535.795.803
Tài sản cố định hữu hình	221	11	809.492.253.293	851.989.352.048
Nguyên giá	222		951.337.745.903	941.354.080.382
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.845.492.610)	(89.364.728.334)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.348.206.257	1.546.443.755
Nguyên giá	228		1.982.375.000	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(634.168.743)	(435.931.245)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.969.747.001	5.249.866.877
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	14.969.747.001	5.249.866.877
Tài sản dài hạn khác	260		334.503.882.919	337.380.561.720
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	334.503.882.919	337.380.561.720
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.346.423.351.457	1.355.495.618.001

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		717.907.725.679	761.051.165.290
Nợ ngắn hạn	310		144.730.330.154	112.983.336.457
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	33.970.302.644	19.518.242.834
Người mua trả tiền trước	312		345.960	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.268.727	1.773.025
Phải trả người lao động	314		3.870.204.533	6.087.380.594
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	13.819.275.528	13.350.161.735
Phải trả ngắn hạn khác	319		83.882.800	135.344.961
Vay ngắn hạn	320	18(a)	91.835.649.962	73.890.433.308
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	1.141.400.000	-
Nợ dài hạn	330		573.177.395.525	648.067.828.833
Vay dài hạn	338	18(b)	573.177.395.525	648.067.828.833
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		628.515.625.778	594.444.452.711
Vốn chủ sở hữu	410	20	628.515.625.778	594.444.452.711
Vốn cổ phần	411	21	575.000.000.000	575.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.000.000.000	575.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.515.625.778	19.444.452.711
- LNST chưa phân phối/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.444.452.711	(9.196.874.271)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.071.173.067	28.641.326.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.346.423.351.457	1.355.495.618.001

16 -08- 2017

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa soát xét
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	239.848.892.882	148.074.073.955
Giá vốn hàng bán	11		165.570.447.828	111.064.199.398
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		74.278.445.054	37.009.874.557
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	176.025.337	3.628.956.662
Chi phí tài chính	22	25	28.491.007.803	22.065.050.161
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.482.199.782	22.062.530.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	9.892.289.521	8.946.310.488
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		36.071.173.067	9.627.470.570
Thu nhập khác	31		-	1.503.372.385
Chi phí khác	32		-	1.559.712.385
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		-	(56.340.000)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.071.173.067	9.571.130.570
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		36.071.173.067	9.571.130.570
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	627	168

16 -08- 2017

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
			Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	36.071.173.067	9.571.130.570
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	57.303.832.071	47.610.493.259
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(175.546.464)	(1.669.750.003)
Chi phí lãi vay	06	28.482.199.782	22.062.530.051
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	121.681.658.456	77.574.403.877
Biến động các khoản phải thu	09	(19.602.048.242)	(39.560.099.875)
Biến động hàng tồn kho	10	(178.425.400)	(147.630.400)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	13.774.962.006	(101.149.643.487)
Biến động chi phí trả trước	12	(172.372.968)	(435.404.979)
		115.503.773.852	(63.718.374.864)
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.596.784.745)	(15.400.819.364)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(858.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	85.048.389.107	(79.119.194.228)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(19.703.545.645)	(163.715.402.224)
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	175.546.464	1.669.750.003
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.527.999.181)	(162.045.652.221)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	125.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	-	235.242.903.961
Tiền trả nợ gốc vay	34	(56.945.216.654)	(16.815.254.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.945.216.654)	343.427.649.926
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.575.173.272	102.262.803.477
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (Thuyết minh 8)	60	34.193.745.729	614.628.672
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	42.768.919.001	102.877.432.149

16 -08- 2017

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 139 nhân viên (1/1/2017: 117 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 38 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và công ty mẹ và các công ty con và liên kết của công ty mẹ này.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	1.462.469.795	315.647.916
Tiền gửi ngân hàng	13.306.449.206	1.078.097.813
Các khoản tương đương tiền	28.000.000.000	32.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	42.768.919.001	34.193.745.729

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	67.300.000.000	67.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Hải Phòng với kỳ hạn từ 4 đến 12 tháng, hưởng lãi suất năm từ 4,9% đến 6,5%.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ	-	285.991.710
Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam	36.015.650	1.273.611.289
Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Evergreen (VN)	14.139.123.333	16.148.252.766
Bên thứ ba		
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	7.049.769.016	4.632.933.621
Maersk Line A/S	8.028.694.423	-
MCC Transport Singapore Pte., Ltd.	5.628.868.713	-
Các khách hàng khác	3.411.999.154	668.664.703
	38.294.470.289	23.009.454.089

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	378.611.864.023	35.446.759.291	511.811.343.388	15.484.113.680	941.354.080.382
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.020.933.521	7.962.732.000	-	-	9.983.665.521
Số dư cuối kỳ	380.632.797.544	43.409.491.291	511.811.343.388	15.484.113.680	951.337.745.903
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	26.058.461.742	4.251.371.653	57.446.430.570	1.608.464.369	89.364.728.334
Khấu hao trong kỳ	14.757.615.036	2.584.894.578	34.296.800.838	841.453.824	52.480.764.276
Số dư cuối kỳ	40.816.076.778	6.836.266.231	91.743.231.408	2.449.918.193	141.845.492.610
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	352.553.402.281	31.195.387.638	454.364.912.818	13.875.649.311	851.989.352.048
Số dư cuối kỳ	339.816.720.766	36.573.225.060	420.068.111.980	13.034.195.487	809.492.253.293

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 809.492 triệu VND (1/1/2017: 851.989 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	435.931.245
Khấu hao trong kỳ	198.237.498
Số dư cuối kỳ	634.168.743
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.546.443.755
Số dư cuối kỳ	1.348.206.257

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	5.249.866.877	79.054.647.520
Tăng trong kỳ	19.703.545.645	162.107.235.274
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.983.665.521)	(170.592.394.918)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(240.000.000)
Số dư cuối kỳ	14.969.747.001	70.329.487.876

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Mua cần cầu bờ di động MHC	11.023.754.738	-
Lắp ráp tài sản cố định	1.960.073.055	920.282.877
Hoán cải lắp đặt hệ thống điện cho xe RTG	1.325.362.500	-
Thiết bị khung chụp Stinis	660.556.708	-
Hoán cải lắp đặt trọn gói hoàn thiện hệ thống điện của cần cầu RTG-TCM 01	-	2.365.584.000
Nâng cấp hệ thống điều khiển biến tần cho cần cầu RTG/TCM	-	1.964.000.000
	14.969.747.001	5.249.866.877

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí đại tu, sửa chữa lớn	419.359.400	2.049.409.081
Phí bảo hiểm	747.414.980	942.211.104
Công cụ và dụng cụ	310.431.754	61.364.477
	1.477.206.134	3.052.984.662

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	330.675.339.375	6.705.222.345	337.380.561.720
Mua trong kỳ	-	6.091.814.150	6.091.814.150
Phân bổ trong kỳ	(4.624.830.297)	(4.343.662.654)	(8.968.492.951)
	326.050.509.078	8.453.373.841	334.503.882.919

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Các khoản phải trả người bán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ	2.832.767.899	1.564.114.391
Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.458.479.936	760.593.350
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	10.878.020.000	4.334.950.000
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	1.725.718.500	660.011.000
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	724.968.534	632.415.173
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	2.804.936.494	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	2.194.421.592	823.291.590
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật điện HT	2.075.700.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí		
Nội thất Thăng Long	85.940.945	3.172.345.934
Các nhà cung cấp khác	9.189.348.744	7.570.521.396
	33.970.302.644	19.518.242.834

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	11.679.236.482	(11.679.236.482)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.773.025	118.825.324	-	(111.329.622)	9.268.727
Các loại thuế khác	-	35.871.393	-	(35.871.393)	-
	1.773.025	11.833.933.199	(11.679.236.482)	(147.201.015)	9.268.727

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trích trước lãi vay	11.799.276.858	12.913.861.821
Chi phí phải trả khác	2.019.998.670	436.299.914
	13.819.275.528	13.350.161.735

18. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	73.890.433.308	74.890.433.308	(56.945.216.654)	91.835.649.962

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vietcombank Hải Phòng (*)	VND	7,8%	2025	585.341.745.562	630.341.745.562
Công ty Cổ phần Container Việt Nam (**)	VND	6,8%	2025	79.671.299.925	91.616.516.579
				665.013.045.487	721.958.262.141
Khoản phải trả đến hạn trong vòng 12 tháng				(91.835.649.962)	(73.890.433.308)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				573.177.395.525	648.067.828.833

(*) Khoản vay dài hạn từ Vietcombank Hải Phòng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị ghi sổ là 809.492 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 851.989 triệu VND) (Thuyết minh 11).

(**) Khoản vay dài hạn từ công ty mẹ, Công ty Cổ phần Container Việt Nam không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Trích lập trong kỳ	2.000.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(858.600.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.141.400.000	-

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế)/lợi	Tổng cộng
	VND	nhuận sau thuế	VND
		chưa phân phối	VND
		VND	
Số dư tại ngày 1/1/2016	450.000.000.000	(9.196.874.271)	440.803.125.729
Góp vốn	125.000.000.000	-	125.000.000.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	9.571.130.570	9.571.130.570
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 30/6/2016 – Chưa soát xét	575.000.000.000	374.256.299	575.374.256.299
Số dư tại ngày 1/1/2017	575.000.000.000	19.444.452.711	594.444.452.711
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	36.071.173.067	36.071.173.067
Phân bổ vào			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 30/6/2017	575.000.000.000	53.515.625.778	628.515.625.778

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	57.500.000	575.000.000.000	57.500.000	575.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	57.500.000	575.000.000.000	57.500.000	575.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	57.500.000	575.000.000.000	57.500.000	575.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	556.894	12.670.881.205	23.704	538.790.784
EUR	19.495	465.860.927	19.499	465.967.842
		<u>13.136.742.132</u>		<u>1.004.758.626</u>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Dịch vụ bốc, dỡ container	218.271.199.472	136.243.843.670
Dịch vụ khác	21.577.693.410	11.830.230.285
	<hr/>	<hr/>
	239.848.892.882	148.074.073.955
	<hr/>	<hr/>

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	175.546.464	1.669.750.003
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	478.873	1.959.206.659
	<hr/>	<hr/>
	176.025.337	3.628.956.662
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	28.482.199.782	22.062.530.051
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.808.021	2.520.110
	<hr/>	<hr/>
	28.491.007.803	22.065.050.161
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	Chưa soát xét	
Chi phí nhân công	5.028.769.500	4.889.666.904
Chi phí khấu hao	1.039.691.322	885.867.889
Chi phí đồ dùng văn phòng	813.616.343	601.667.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.850.209.259	1.595.438.527
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.160.003.097	973.670.101
	9.892.289.521	8.946.310.488

27. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	Chưa soát xét	
Chi phí nhân công	14.159.859.450	12.305.168.020
Chi phí khấu hao và phân bổ	57.303.832.071	47.610.493.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.590.012.137	58.590.482.132
Chi phí khác	5.784.873.394	11.020.203.575

28. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	Chưa soát xét	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.071.173.067	9.571.130.570
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.607.117.307	957.113.057
Chi phí không được khấu trừ thuế	17.642.455	16.285.455
Ưu đãi thuế	(3.624.759.762)	(973.398.512)
	-	-

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2015) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	36.071.173.067	9.571.130.570

(*) Công ty hiện chưa có kế hoạch phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2017. Do đó, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty trình bày ở trên chưa tính tới việc phân bổ quỹ này. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành từ kỳ trước	57.500.000	45.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	12.016.575
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	57.500.000	57.016.575

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND Chưa soát xét
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ		
Cung cấp dịch vụ	-	1.297.669.924
Mua dịch vụ	9.307.862.042	6.453.280.799
Trả gốc vay	11.945.216.654	4.000.000.000
Chi phí lãi vay	3.594.913.550	3.542.399.900
Evergreen Marine Corporation (Taiwan) Ltd		
Góp vốn	-	125.000.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Liên doanh Đại Lý Vận tải Evergreen (VN)		
Cung cấp dịch vụ	85.427.454.186	72.699.655.533
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi Sao Xanh		
Mua dịch vụ	21.858.217.273	12.148.611.227
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh		
Mua dịch vụ	3.615.845.000	3.863.251.500
Công ty TNHH MTV Bến Xanh		
Mua dịch vụ	3.618.592.609	2.472.679.024
Cảng Green Port (Xí nghiệp cảng Viconship)		
Cung cấp dịch vụ	2.842.153.833	799.901.768
Mua dịch vụ	5.459.255.512	5.502.504.993
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	445.164.329	610.895.493

16 -08- 2017

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cấp Trọng Cường
 Giám đốc